

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 với nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN LĨNH VỰC BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2023-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 590/QĐ-TTg*); Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030¹; trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính

¹ Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Bình Định (*cũ*) thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Văn bản số 9731/UBND-KT ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định (*cũ*) về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 19/7/2023.

sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh² và ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình, đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng và quy trình bố trí dân cư; công tác di dời, bố trí dân cư được kịp thời giúp cho các hộ dân sớm ổn định đời sống nơi ở mới,...

2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn lĩnh vực bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2023-2025

2.1. Kết quả thực hiện các dự án bố trí dân cư

Giai đoạn 2023-2025 đã triển khai thực hiện 06 dự án bố trí dân cư, gồm: 03 dự án bố trí dân cư (trên địa bàn tỉnh Gia Lai cũ) thực hiện đầu tư xây dựng mới từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương (*hoàn thành đầu tư hạ tầng và bố trí dân cư trong năm 2023*); 01 dự án tập trung đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng nhưng chưa thực hiện bố trí ổn định dân cư vào khu tái định cư và 02 dự án tập trung được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, cụ thể:

(1) Dự án bố trí dân di cư tự do tại thôn Đoàn Kết, Xã Ia Pior, huyện Chư Prông (*nay là xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai*), quy mô 271 hộ, tổng mức đầu tư 45.000 triệu đồng.

(2) Dự án bố trí dân di cư tự do tập trung huyện Mang Yang, địa bàn triển khai thực hiện dự án tại làng Ar Tró, xã Đê Ar, huyện Mang Yang (*nay là xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai*), quy mô 120 hộ, tổng mức đầu tư 14.980 triệu đồng.

(3) Dự án sắp xếp bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai Suối Cạn, thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol, huyện Phú Thiện (*nay là xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*), quy mô 38 hộ, tổng mức đầu tư 10.000 triệu đồng.

(4) Dự án tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (cũ) - giai đoạn 1 (*nay là xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai*), quy mô: 64 hộ, tổng mức đầu tư: 32.000 triệu đồng. Dự án đã hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư. Hiện nay địa phương đang thực hiện rà soát, thống kê tài sản gắn liền với đất (*nhà cửa, vật kiến trúc*) tại nơi ở cũ để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 64 hộ dân trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

(5) Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (cũ) (*nay là xã An Hòa, tỉnh Gia Lai*), quy mô bố trí: 78 hộ. Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) phê duyệt chủ trương thực hiện đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư: 44.657 triệu đồng. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2027.

(6) Dự án tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (cũ) - giai đoạn 2 (*nay là xã Đê Gi, tỉnh Gia Lai*), quy mô bố trí: 66 hộ. Dự án đã được Ủy

² Nghị quyết số 106/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (cũ) quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ).

ban nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) phê duyệt chủ trương thực hiện đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư: 35.000 triệu đồng. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

Ngoài ra, Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (cũ) (nay là xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai) và Dự án khu tái định cư Cầu Gành, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (cũ) (nay là phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) cho chủ trương thực hiện đầu tư xây dựng để tái định cư cho các hộ dân vùng thiên tai vào nơi ở mới.

2.2. Kết quả thực hiện về số hộ bố trí ổn định

- Tổng số hộ được bố trí ổn định giai đoạn 2023-2025: 503 hộ. Trong đó:

+ Tại các khu tái định cư chuyển tiếp: 74 hộ (vùng thiên tai). Hình thức bố trí: Tập trung.

+ Tại các dự án mở mới: 429 hộ (trong đó: Vùng thiên tai 38 hộ; dân di cư tự do 391 hộ).

- Hình thức bố trí dân cư: Tập trung 02 dự án (158 hộ), ổn định tại chỗ 01 dự án (271 hộ).

2.3. Kết quả giao đất tại các dự án bố trí dân cư

Tổng số hộ được giao đất giai đoạn 2023-2025: 232 hộ. Số diện tích giao: 15,107 ha (bao gồm: đất ở 15,107 ha; đất sản xuất nông nghiệp 0 ha; đất sản xuất lâm nghiệp 0 ha, đất khác 0 ha).

2.4. Về kết quả thực hiện vốn

- Trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 Trung ương không phân bổ vốn thực hiện Chương trình Bố trí dân cư, chỉ phân bổ từ nguồn vốn dự phòng cấp bách hàng năm để ưu tiên thực hiện đầu tư các dự án khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ) với tổng kinh phí 70.000 triệu đồng (vốn đầu tư). Lũy kế ước giải ngân đến năm 2025: đã giải ngân 67.429 triệu đồng vốn dự phòng ngân sách Trung ương giao và giải ngân 32.000 triệu đồng vốn đầu tư từ ngân sách địa phương.

Từ nguồn vốn dự phòng cấp bách bổ sung của Trung ương và nguồn ngân sách tỉnh phân bổ, tỉnh Gia Lai đã triển khai thực hiện các hạng mục của dự án đúng theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, giải ngân đúng tiến độ đề ra theo yêu cầu.

- Về chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân (vốn sự nghiệp): Thực hiện hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở từ nguồn ngân sách địa phương (huyện, xã) cho 38 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ) với tổng kinh phí 1.520 triệu đồng (40 triệu đồng/hộ).

2.5. Kết quả xây dựng cơ sở hạ tầng tại các dự án bố trí dân cư

- Kết quả xây dựng các công trình hạ tầng giai đoạn 2022-2025 tại các dự án đầu tư bố trí dân cư, bao gồm:

+ Giao thông: Đã đầu tư xây dựng 10,407 km đường giao thông nội vùng dự án bố trí dân cư.

- + Hệ thống điện: 02 trạm biến áp, 1,3 km đường dây hạ thế.
- + Trường lớp học: 12 phòng học (*trong đó: 09 phòng làm mới, 03 phòng sửa chữa lại*).
- + Nhà văn hóa: Sửa chữa 01 công trình.
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt: 04 công trình.
- + San gạt mặt bằng khu tái định cư (TĐC): Tổng diện tích san gạt là 18,26 ha.
- + Hệ thống thoát nước: 02 công trình và 44 cái cống.
- + Giếng đào: 02 công trình.
- + Nhà vệ sinh: 01 công trình.

- Đánh giá kết quả xây dựng các công trình hạ tầng: Việc xây dựng các công trình hạ tầng tại khu tái định cư nhằm bố trí và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân thuộc đối tượng dự án được sớm ổn định cuộc sống và sản xuất, sinh hoạt; hạn chế đến mức thấp nhất những nguy cơ thiên tai gây ra cũng như hệ lụy do dân di cư tự do có thể gây ra; hạn chế sức ép lên tài nguyên rừng, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, góp phần bảo vệ rừng và môi trường sinh thái, củng cố an ninh - quốc phòng.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự đồng thuận, đồng lòng của nhân dân tại vùng nguy cơ thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do,... các địa phương đã chủ động tổ chức thực hiện bố trí ổn định cho các hộ bị ảnh hưởng được di chuyển ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm; các hộ dân di cư tự do đời sống còn khó khăn đến nơi ở mới khang trang hơn và ổn định lâu dài hơn. Bằng nguồn hỗ trợ kinh phí của Trung ương công tác di dời, bố trí dân cư kịp thời giúp cho các hộ dân sớm ổn định đời sống nơi ở mới, phát triển sản xuất, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, đời sống người dân khu tái định cư được cải thiện, cơ bản khá hơn nơi ở cũ, góp phần củng cố quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nhìn chung tình hình thực hiện các dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành và địa phương tích cực triển khai, nhận được sự đồng tình cao của người dân trong quá trình thực hiện và đã thể hiện được vai trò chủ thể của người dân trong công tác bố trí dân cư; từng bước thay đổi diện mạo của thôn, làng theo hướng khang trang, và người dân có cuộc sống tại nơi ở mới tốt hơn.

Công tác bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch góp phần hình thành các cụm dân cư tập trung dễ dàng trong việc quản lý của chính quyền, trong việc nâng cao năng lực cho các hộ dân tại khu tái định cư nhất là các hộ người đồng bào dân tộc thiểu số (*tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, ...*) từ đó đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3.2. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

a) Khó khăn, tồn tại

- Trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 không được phê duyệt vốn để thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg nên địa phương không chủ động được nguồn vốn, nguồn vốn của địa phương còn hạn chế; những năm qua, nguồn lực chủ yếu phụ thuộc vào phần vốn dự phòng do Trung ương phân bổ.

- Tiến độ thực hiện một số dự án còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, do công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật chậm so với tiến độ, từ đó các hộ dân ở khu vực dự án có nguy cơ chậm được di dời đến nơi ở mới.

b) Nguyên nhân

- Ngân sách Trung ương theo kế hoạch đầu tư công trung hạn (*nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp kinh tế*) hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 chưa được phân bổ.

- Cơ sở hạ tầng tại nơi ở cũ (*đường giao thông, đê, kè...*) được ngân sách nhà nước (*ngân sách tỉnh, huyện*) đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới để phục vụ, bảo vệ dân cư và phát triển kinh tế - xã hội địa phương nên một số hộ dân chưa muốn di dời đến nơi ở mới.

- Tập quán canh tác của đồng bào địa phương còn lạc hậu, chưa có thói quen thâm canh trong sản xuất nông nghiệp, nên sử dụng đất chưa hiệu quả, năng suất cây trồng, vật nuôi chưa cao; người dân vẫn còn phong tục tập quán thích sống gần sông, suối nên trong quá trình vận động chuyển đến nơi ở mới còn khó khăn.

- Phạm vi đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT bị thu hẹp (*hộ phải di dời khẩn cấp*) so với giai đoạn trước.

II. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Quan điểm, nguyên tắc thực hiện Chương trình

a) Bố trí ổn định dân cư phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng nông thôn mới, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

b) Bố trí ổn định dân cư là mục tiêu nhưng đồng thời cũng là giải pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái, tài nguyên nước. Bố trí ổn định dân cư phải tập trung, có trọng điểm, đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất để người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống ổn định lâu dài; hướng tới hình thành các điểm dân cư phù hợp với tiêu chí nông thôn mới, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; phù hợp với phong tục, tập quán văn hóa của từng dân tộc.

c) Bố trí ổn định dân cư là trách nhiệm của các ngành, các cấp chính quyền địa phương. Hộ gia đình, cá nhân bố trí ổn định theo quy hoạch, kế hoạch được Nhà nước hỗ trợ về di chuyển (*nếu có*) và các điều kiện để ổn định đời sống, phát triển bền vững cộng đồng dân cư. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nội

dung bố trí dân cư theo quy định và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để thực hiện. Phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn (*buôn*) trong công tác bố trí dân cư phòng, tránh thiên tai.

d) Việc bố trí ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, tỉnh. Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân đi ngoài tỉnh, cần thống nhất với tỉnh có dân đi và tỉnh có dân đến để bố trí theo quy hoạch. Ưu tiên thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với bố trí dân cư tập trung và ổn định tại chỗ.

e) Bố trí ổn định dân cư gắn với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng của Chương trình

2.1. Mục tiêu chung

Bố trí ổn định dân cư tại các vùng thiên tai (*sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng*); đặc biệt khó khăn (*thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu, ô nhiễm môi trường, các làng chài trên sông nước, đầm phá*); biên giới, hải đảo (*bao gồm Khu kinh tế - quốc phòng*); vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hỗ trợ người dân tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư, phát huy đồng bộ các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo bền vững và củng cố quốc phòng, an ninh các vùng trọng điểm trên địa bàn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026-2030, thực hiện bố trí ổn định dân cư cho 2.474 hộ; trong đó:

- Các khu tái định cư tập trung chuyển tiếp: 742 hộ.
- Các dự án, phương án mở mới: 1.732 hộ.

Hình thức bố trí: Tập trung 1.605 hộ; xen ghép 122 hộ; ổn định tại chỗ 747 hộ.

b) Phấn đấu đến năm 2030, tại các vùng dự án bố trí ổn định dân cư: Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 1%/năm; thu nhập bình quân đầu người tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2025; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99,8% trở lên; tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98% trở lên; không còn nhà tạm, dột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 95% trở lên. Bảo đảm 100% điểm tái định cư đáp ứng tiêu chí hạ tầng thiết yếu theo chuẩn nông thôn mới.

2.3. Phạm vi và đối tượng của Chương trình

a) Phạm vi

Bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của nhà nước tại các vùng: Thiên tai (*sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng*); đặc biệt khó khăn (*thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ nâng cao đời sống sinh hoạt; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước, đầm phá*); biên giới, hải đảo (*gồm cả Khu kinh tế - quốc phòng*); vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng giai đoạn 2026-2030.

b) Đối tượng

Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ nâng cao đời sống sinh hoạt; du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, Khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo.

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

- Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận hộ tái định cư tập trung và xen ghép.

c) Phạm vi, đối tượng của Chương trình không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3. Phương án bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2026-2030

3.1. Giai đoạn 2026-2030, triển khai thực hiện bố trí ổn định dân cư tại 23 dự án, phương án bố trí dân cư (*gồm: 17 dự án tập trung; 04 dự án xen ghép; 02 dự án ổn định tại chỗ*), với quy mô bố trí 2.474 hộ. Cụ thể như sau:

- Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai: 07 Khu tái định cư tập trung chuyển tiếp; 08 dự án, phương án mở mới (*07 tập trung, 01 xen ghép*), với quy mô 1.318 hộ.

- Bố trí ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn: 05 dự án, phương án (*02 tập trung, 03 xen ghép*), với quy mô 362 hộ.

- Bố trí ổn định dân di cư tự do: 03 dự án, phương án (*01 tập trung, 02 ổn định tại chỗ*), với quy mô 794 hộ.

3.2. Tiến độ thực hiện bố trí dân cư theo từng năm

- Năm 2026: Bố trí ổn định 320 hộ, với các hình thức bố trí: Tập trung 313 hộ, xen ghép 07 hộ.
- Năm 2027: Bố trí ổn định 454 hộ, với các hình thức bố trí: Tập trung 454 hộ.
- Năm 2028: Bố trí ổn định 520 hộ, với các hình thức bố trí: Tập trung 470 hộ, xen ghép 50 hộ.
- Năm 2029: Bố trí ổn định 288 hộ, với các hình thức bố trí: Tập trung 223 hộ, xen ghép 65 hộ.
- Năm 2030: Bố trí ổn định 892 hộ, với các hình thức bố trí: Tập trung 145 hộ, ổn định tại chỗ 747 hộ.

(Chi tiết danh mục các điểm bố trí ổn định dân cư được kèm theo Phụ lục)

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng tại các dự án bố trí ổn định dân cư tập trung, địa bàn bố trí ổn định dân cư xen ghép

Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng; san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất *(đối với khai hoang tập trung)*; đường giao thông *(nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất)*; thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác *(nhà văn hoá, trường học,)*.

5. Phương án phát triển sản xuất; phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm tại các vùng bố trí ổn định dân cư; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; truyền thông, tuyên truyền

5.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất vùng dự án bố trí dân cư

- Hỗ trợ vùng dự án bố trí ổn định dân cư phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác; xây dựng các mô hình, dự án phát triển sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, chế biến, bảo quản, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hình thành các sản phẩm OCOP đa giá trị gắn với lợi thế vùng, miền, quốc gia; thúc đẩy phát triển các mô hình làng du lịch văn hóa cộng đồng gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế khác cho người dân phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của người dân, cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

5.2. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm

- Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư, đặc biệt với những hộ không bảo đảm quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống.

- Hỗ trợ vùng dự án bố trí ổn định dân cư xây dựng mô hình đào tạo nghề phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên các nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn; nghề quản trị trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

5.3. Về tuyên truyền vận động

- Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hiểu rõ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư. Vận động người dân tham gia tự nguyện, đồng thuận trong quá trình bố trí dân cư. Hướng dẫn quy trình di dời, hỗ trợ di chuyển, giao đất, làm nhà ở và phát triển sinh kế,...

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền thông và giám sát cộng đồng. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số bố trí dân cư, kết nối với truyền thông cơ sở, cổng thông tin chính quyền điện tử cấp xã. Khuyến khích ứng dụng nền tảng số cộng đồng (*Zalo, Facebook nhóm, truyền thanh thông minh*) để cập nhật thông tin, phản hồi và giám sát tiến độ bố trí dân cư.

5.4. Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện Chương trình

- Xây dựng nội dung, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình cho cán bộ, công chức, người làm công tác bố trí dân cư và bảo đảm kinh phí chỉ đạo thực hiện Chương trình ở các cấp.

- Xây dựng, tạo lập bộ dữ liệu phục vụ công tác quản lý bố trí dân cư.

6. Khái toán tổng vốn thực hiện bố trí ổn định dân cư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước

6.1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

6.2. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026-2030 là 644.198 triệu đồng, bao gồm: Vốn đầu tư 401.302 triệu đồng (*tỷ lệ 62,29%*), vốn sự nghiệp 242.896 triệu đồng (*tỷ lệ 37,71%*). Cơ cấu nguồn vốn phân bổ như sau:

a) Ngân sách Trung ương: 450.098 triệu đồng (70%), gồm:

- Vốn đầu tư: 280.071 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 170.027 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 194.100 triệu đồng (30%), gồm:

- Vốn đầu tư: 121.231 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 72.869 triệu đồng.

6.3. Phân kỳ đầu tư:

- Năm 2026: 306.304 triệu đồng.

- Năm 2027: 190.241 triệu đồng.
- Năm 2028: 70.532 triệu đồng.
- Năm 2029: 42.011 triệu đồng.
- Năm 2030: 35.110 triệu đồng.

(Chi tiết kinh phí các dự án được phân kỳ từng năm theo Phụ lục đính kèm)

7. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn

a) Ưu tiên thực hiện bố trí ổn định cho các hộ dân thực sự khó khăn, cấp bách vào các điểm dân cư theo quy hoạch; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp (*vốn sự nghiệp kinh tế*) để thực hiện hỗ trợ di dời hộ gia đình, cá nhân giúp ổn định đời sống dân cư, đồng thời phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư giai đoạn trước; mặt khác hoàn thành dứt điểm các dự án bố trí ổn định dân cư đang thực hiện dở dang, bố trí đủ vốn cho các dự án đầu tư chưa hoàn thành (*vốn đầu tư phát triển*), đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sớm đưa dân đến sinh sống, ổn định lâu dài theo thứ tự ưu tiên: Nơi có nguy cơ cao về thiên tai phải được bố trí thực hiện trước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; vùng biên giới, hải đảo (*hiện chưa có dân sinh sống hoặc ít dân*); vùng đặc biệt khó khăn; vùng dân di cư tự do đến đời sống còn khó khăn, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng.

b) Xây dựng các dự án bố trí dân cư (*dự án mở mới*) tại địa bàn nội vùng xã, phù hợp với phong tục tập quán văn hóa và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; đầu tư có trọng điểm, đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và tính đồng thuận của cộng đồng, chống thất thoát, lãng phí; phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh, quy hoạch ngành, quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan.

c) Chủ động bố trí ngân sách địa phương, huy động lòng ghép nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn (*nếu có*) để thực hiện bố trí dân cư, đặc biệt là hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất vùng bố trí dân cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ di dân, an tâm ổn định đời sống lâu dài.

d) Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả đầu tư.

8. Danh mục dự án bố trí ổn định dân cư sắp xếp theo thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện giai đoạn 2026-2030

8.1. Dự án chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch trung hạn

Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục thực hiện bố trí ổn định cho 742 hộ gia đình, cá nhân vùng thiên tai vào 07 Khu tái định cư tập trung chuyển tiếp, với tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân là 103.212 triệu đồng; nguồn vốn sự nghiệp (*trong đó: ngân sách Trung ương 72.249 triệu đồng; ngân sách địa phương 30.964 triệu đồng*).

8.2. Dự án dự kiến mở mới trong kế hoạch trung hạn

Giai đoạn 2026-2030 dự kiến triển khai thực hiện 16 dự án, phương án mở mới trên địa bàn tỉnh; tổng nhu cầu vốn thực hiện là 540.986 triệu đồng. Trong đó: ngân sách Trung ương 377.850 triệu đồng (*vốn đầu tư 280.071 triệu đồng; vốn sự nghiệp 97.779 triệu đồng*) và ngân sách địa phương 163.136 triệu đồng (*vốn đầu tư 121.231 triệu đồng; vốn sự nghiệp 41.905 triệu đồng*). Cụ thể:

a) Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai: 08 dự án, phương án mở mới (*07 tập trung, 01 xen ghép*), với quy mô 576 hộ. Tổng vốn thực hiện 382.199 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: 267.539 triệu đồng
- + Vốn đầu tư: 211.454 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 56.085 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 114.660 triệu đồng
- + Vốn đầu tư: 90.623 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 24.037 triệu đồng.

b) Dự án bố trí ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn: 05 dự án, phương án (*02 tập trung, 03 xen ghép*), với quy mô 362 hộ. Tổng vốn thực hiện 126.834 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: 87.944 triệu đồng
- + Vốn đầu tư: 60.298 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 27.646 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 38.890 triệu đồng
- + Vốn đầu tư: 27.042 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 11.848 triệu đồng.

c) Dự án bố trí ổn định dân cư tự do: 03 dự án, phương án (*01 tập trung, 02 ổn định tại chỗ*), với quy mô 794 hộ. Tổng vốn thực hiện 31.953 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: 22.367 triệu đồng
- + Vốn đầu tư: 8.320 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 14.047 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 9.586 triệu đồng
- + Vốn đầu tư: 3.566 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 6.020 triệu đồng.

9. Giải pháp thực hiện kế hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2026-2030

a) Về cơ chế, chính sách

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp thực hiện

Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, đúng mục tiêu của Chương trình đề ra.

b) Tập trung vào các quy định về đầu tư, tài chính, đất đai, nhà ở, tín dụng và thực hiện lồng ghép các chính sách dân tộc, bình đẳng giới, giảm nghèo, bảo vệ và phát triển rừng, thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm tạo động lực cho người dân sớm di dời nơi ở cũ, tái định cư ổn định tại nơi ở mới theo quy hoạch, kế hoạch.

c) Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn, hàng năm và dự phòng ngân sách Trung ương để thực hiện di dời, tái định cư cho hộ dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, hỗ trợ, cải thiện đời sống người dân vùng đặc biệt khó khăn, kiểm soát chặt chẽ tình trạng di cư tự do, hộ dân vùng biên giới sinh sống ổn định, lâu dài; thực hiện đầu tư xây dựng mới các dự án bố trí ổn định dân cư, trong đó đặc biệt ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, sắp xếp thứ tự ưu tiên khởi công mới các dự án trong giai đoạn 2026-2030 bảo đảm tính khả thi về thủ tục đầu tư và giải ngân. Huy động các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án đang triển khai tại địa phương; kết hợp huy động nguồn xã hội hóa, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng hạ tầng.

d) Giám sát và xử lý các điểm nghẽn trong giải ngân đầu tư công, trong đó lưu ý tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại nơi đi và nơi đến kịp thời, đúng quy định cho người dân, ưu tiên bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ dân di dời bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân, đảm bảo nhanh tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời, đối với các dự án mở mới cần kiểm soát chặt chẽ sự cần thiết, quy mô từng dự án theo đúng quy hoạch, mục tiêu đã được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư và kết quả đầu ra của từng dự án.

đ) Chủ động, linh hoạt vận dụng lồng ghép các cơ chế, chính sách hiện có để thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm (*như: xây dựng các nhà máy chế biến nông sản, chế biến gỗ, các khu công nghiệp, ...*), hỗ trợ tối đa vùng bố trí dân cư, góp phần phát triển sản xuất hiệu quả, từng bước nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống lâu dài cho người dân. Bảo đảm mỗi dự án bố trí dân cư được định vị rõ trong quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng nông thôn mới, tránh tình trạng đầu tư đơn lẻ, chắp vá.

e) Thống nhất đầu mối quản lý, tăng cường điều phối liên ngành trong công tác tổ chức thực hiện chương trình tại địa phương. Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho các địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện và chủ động lựa chọn hình thức bố trí (*tập trung, xen ghép, tại chỗ*) tùy điều kiện địa lý, xã hội. Đẩy mạnh phân cấp trong phê duyệt dự án, điều chỉnh kế hoạch vốn, quyết định hỗ trợ đối tượng để linh hoạt xử lý tình huống thực tế.

f) Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động cộng đồng, gắn với nâng cao nhận thức, vận động đồng thuận, phát huy vai trò người có uy tín, tổ chức chính trị - xã hội. Tổ chức hội nghị đối thoại tại cộng đồng, tuyên truyền chính

sách, quyền lợi, trách nhiệm, quy trình để tạo sự tự nguyện tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện bố trí, ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Cơ quan thường trực Chương trình*)

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp, xây dựng kế hoạch trung hạn hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030 gửi Sở Tài chính cân đối, bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nội dung Chương trình và tổng hợp chung trong dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư bố trí dân cư cấp bách do địa phương đề xuất và phối hợp với các sở, ngành có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

d) Chủ trì phối hợp với sở, ngành có liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030 để có cơ sở triển khai thực hiện Chương trình; hoàn thành trước 31/12/2025.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất việc thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cập nhật cơ sở dữ liệu về bố trí dân cư gắn với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương để tổ chức quản lý, thực hiện có hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư.

f) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép, hoàn thiện và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan để tổng hợp, cân đối, bố trí vốn ngân sách do tỉnh quản lý để thực hiện nội dung kế hoạch theo quy định, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổng hợp, cân đối và bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm để thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan: Hướng dẫn triển khai thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư; xây dựng, điều chỉnh bổ sung các nội dung phù hợp với quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm báo cáo, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Các Sở: Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng; Y tế và các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có kế hoạch phối hợp hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Trên cơ sở nội dung quy hoạch, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương xây dựng đầu tư; tiến hành lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật hướng dẫn khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch trung hạn, hàng năm và giai đoạn 2026-2030 về nội dung Chương trình bố trí dân cư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm theo Phụ lục III, IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT với mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Lập nội dung dự án bố trí ổn định dân cư tập trung theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT; lập, thẩm định, phê duyệt dự án bố trí ổn định dân cư tập trung theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

d) Lập phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT; trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thẩm định phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép; nội dung phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

đ) Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện bố trí ổn định dân cư; thực hiện bố trí ổn định dân cư gắn với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất, đào tạo và chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế phù hợp với phong tục, tập quán và nhu cầu của

người dân, góp phần từng bước nâng cao thu nhập cho các hộ di dân, ổn định đời sống lâu dài.

e) Chỉ đạo giao Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (*thường trực Chương trình*) phối hợp với các phòng, ban có liên quan triển khai thực hiện Chương trình (*dự án tập trung, xen ghép và ổn định tại chỗ*); phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân tích cực tham gia thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm và giai đoạn 2026-2030, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả bố trí ổn định dân cư trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để xem xét, chỉ đạo xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NN và MT, DT và TG, KH và CN, YT, XD,; GD và ĐT, VH - TT và DL;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, N6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp